TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH A**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 35/2024/QĐST-HNGĐ	*A, ngày 06 tháng 8 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v yêu cầu công nhận thuận T ly hôn, thỏa thuận nuôi con

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH A

Với thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Đỗ Ngọc Tuấn.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A tham gia phiên họp: Bà Lê Thị Thanh Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh A mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 77/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 05 năm 2024 về việc:*"Yêu cầu công nhận thuận T ly hôn, thỏa thuận nuôi con"* theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 86/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:
- Chị Lường Thị T, sinh năm 1997.
ĐKHKTT: Bản L, xã N, huyện M, tỉnh Đ.
Hiện nay đang ở nước ngoài.
- Anh Hà Văn M, sinh năm 1993.
ĐKHKTT: khu N, xã T, huyện T, tỉnh A.

(Các đương sự đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và các lời khai tiếp theo, chị Lường Thị T và anh Hà Văn M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị Lường Thị T và anh Hà Văn M đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu ngày 19/7/2018 ở Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh A. Năm 2023, chị T đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài. Từ đó đến nay giữa hai vợ chồng anh chị thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn nên T cảm vợ chồng

ngày càng xa cách. Anh chị đã nhiều lần cố gắng hàn gắn quan hệ hôn nhân nhưng không thành. Nay xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, T cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Lường Thị T và anh Hà Văn M thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được thuận T ly hôn.

Về con chung: chị Lường Thị T và anh Hà Văn M xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Hà Thị Ánh P, sinh ngày 04/4/2019. Khi ly hôn, anh M và chị T thống nhất thỏa thuận giao cháu P cho anh M chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, công nợ chung, công sức đóng góp: anh M và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: anh Hà Văn M tự nguyện xin chịu toàn bộ.

Anh M và chị T đều đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và giải quyết vắng mặt anh chị.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán; Thư ký phiên họp kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ của Tòa án tiến hành theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về nội dung: Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 3 điều 35, điểm b khoản 1 điều 37; điểm h khoản 2 điều 39; khoản 2 Điều 149, Điều 361, 362, 365, 366, 367, 369, 370 và Điều 371 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 19, 51, 55, 81, 82, 83, 123,127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về M thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận T ly hôn giữa chị Lường Thị T và anh Hà Văn M.

Về con chung: giao cháu Hà Thị Ánh P, sinh ngày 04/4/2019 cho anh M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung vợ chồng, công sức đóng góp: không đặt ra xem xét.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: anh M tự nguyện chịu toàn bộ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A, Tòa án nhân dân tỉnh A nhận định:

Hồ sơ thể hiện chị Lường Thị T hiện nay đang ở nước ngoài. Tại văn bản số 8333/QLXNC-P3 ngày 22/4/2024 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công

an đã cung cấp thông tin: *"Theo dữ liệu Cục quản lý xuất nhập cảnh quản lý: có trường hợp Lường Thị T, sinh ngày 10/4/1997 tại Điện Biên; CMND số 011197005356, khai hộ khẩu thường trú tại:khu Ngả Hai, Thu Cúc, Tân Sơn, A; sử dụng hộ chiếu số P00649959 để xuất cảnh ngày 30/8/2023 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước*". Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh A thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

- Về quan hệ hôn nhân: quan hệ hôn nhân giữa chị Lường Thị T và anh Hà Văn M là hôn nhân hợp pháp. Do vợ chồng thường xảy ra nhiều mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm sống. Xét thấy T cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Lường Thị T và anh Hà Văn M đều đề nghị Tòa án công nhận thuận T ly hôn. Do đó, việc anh M và chị T thuận T ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, được chấp nhận theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

Theo đơn đề nghị Tòa án tiến hành trưng cầu giám định của anh M đối với dấu vân tay của chị T trong Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, Bản tự khai gửi từ nước ngoài về Việt Nam. Tòa án nhân dân tỉnh A đã trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh A tiến hành giám định đối với dấu vân tay của chị T trong các văn bản nêu trên. Tại Kết luận giám định số 1006/KL-KTHS ngày 24/5/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh A đã kết luận như sau: "*02 dấu vân tay in dưới mục "Họ và tên chồng; Người làm đơn: (ký hiệu số 1,2) trên "*Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, Bản tự khai*" ngày 25/3/2024 mẫu cần giám định (ký hiệu A1, A2) so với 02 dấu vân tay in ở ô ngón trỏ phải, ngón trỏ trái trên "Căn cước công dân" số: 011197005356; Họ và tên: Lường Thị T; Ngày, tháng, năm sinh: 10/4/1997; Nơi thường trú: Bản Na Luông, Ẳng Nưa, Mường Ảng, Điện Biên, cấp ngày 01/03/2023* ***là của cùng một người in ra***". Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định rằng việc chị Lường Thị T thuận T ly hôn với anh Hà Văn M là hoàn toàn tự nguyện.

- Về con chung: Từ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ xác định chị Lường Thị T và anh Hà Văn M có 01 con chung là cháu Hà Thị Ánh P, sinh ngày 04/4/2019. Khi ly hôn, anh M và chị T thống nhất thỏa thuận giao cháu P cho anh M chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy chị T hiện đang ở nước ngoài, cháu P đang ở cùng với anh M tại Việt Nam. Do vậy thỏa thuận của anh M và chị T về con chung phù hợp với quy định của Luật hôn nhân gia đình nên được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung, công sức đóng góp: anh M và chị T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: chấp nhận sự tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự của anh M.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 29; khoản 3 điều 35, điểm b khoản 1 điều 37; điểm h khoản 2 Điều 39; khoản 2 Điều 149; Điều 361, 362, 365, 366, 367, 369, 370 và Điều 371 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 55, 81, 82, 83 và Điều 123 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về M thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận T ly hôn giữa chị Lường Thị T và anh Hà Văn M.

[2] Về con chung: Công nhận thỏa thuận về nuôi con chung giữa chị Lường Thị T và anh Hà Văn M. Giao cháu Hà Thị Ánh P, sinh ngày 04/4/2019 cho anh M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản, công nợ chung, công sức đóng góp: chị Lường Thị T và anh Hà Văn M không đề nghị giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự và chi phí giám định:

- Lệ phí giải quyết việc dân sự: Công nhận anh Hà Văn M tự nguyện chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí giải quyết việc dân sự. Xác nhận anh Hà Văn M đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng lệ phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000300 ngày 09/5/2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh A.

- Chi phí giám định: Công nhận anh Hà Văn M tự nguyện chịu 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) tiền chi phí giám định. Xác nhận anh Hà Văn M đã nộp đủ tiền chi phí giám định.

[5] Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh A;
- Cục THADS tỉnh A;
- UBND xã T;
- Đương sự;
- Lưu: AV, HSVA.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Đỗ Ngọc Tuấn